

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2852** /TCT-CS
V/v chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2009

Kính gửi: Đại sứ quán Nhật Bản.

Trả lời công văn số LF.236/2009 ngày 12/05/2009 của Đại sứ quán Nhật Bản về chính sách thuế đối với hoạt động dịch vụ vận tải biển nước ngoài, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về việc thực hiện Thông tư số 134/2009/TT-BTC ngày 31/12/2008 (nêu tại điểm 2 và điểm 3 công văn J.F.236/2009 nêu trên) đối với cước vận tải biển.

Tại điểm 1 Mục I Phần A Thông tư số 134 hướng dẫn nghĩa vụ thuế đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định: "Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa họ với tổ chức, cá nhân Việt Nam. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa họ với Nhà thầu nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu." thuộc đối tượng áp dụng Thông tư số 134/2008/TT-BTC nêu trên.

Tại điểm 3.b6 Mục III Phần B Thông tư số 134/2008/TT-BTC nêu trên quy định: "Doanh thu tính thuế TNDN của hãng vận tải biển nước ngoài là toàn bộ tiền cước thu được từ hoạt động vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hoá và các khoản phụ thu khác mà hãng vận tải biển được hưởng từ cảng xếp hàng của Việt Nam đến cảng cuối cùng bốc dỡ hàng hoá đó (bao gồm cả tiền cước của các lô hàng phải chuyển tải qua các cảng trung gian) và/hoặc tiền cước thu được do vận chuyển hàng hoá giữa các cảng Việt Nam. Tiền cước vận chuyển làm căn cứ tính thuế TNDN không bao gồm tiền cước đã tính thuế TNDN tại cảng Việt Nam đối với chủ tàu nước ngoài và tiền cước trả cho doanh nghiệp vận tải Việt Nam do đã tham gia vận chuyển hàng từ Cảng Việt Nam đến một cảng trung gian" và tỷ lệ % tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động vận chuyển đường biển là 2%.

Tại Phần C Thông tư số 134/2008/TT-BTC hướng dẫn: "Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng từ 01/01/2009, thay thế cho Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/01/2005 của Bộ Tài chính

hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam, Thông tư số 16/1999/TT-BTC ngày 04/02/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế cước đối với hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng tàu biển của các hãng vận tải nước ngoài vào Việt Nam khai thác vận tải”.

Căn cứ theo các hướng dẫn nêu trên, đối với lĩnh vực vận tải biển đang thực hiện nộp thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 16/1999/TT-BTC sẽ thực hiện nộp thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC kể từ ngày Thông tư số 134/2008/TT-BTC có hiệu lực thi hành.

2. Về thuế GTGT.

2.1 Căn cứ Điều 3, Điều 4 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì Công ty kinh doanh vận tải biển có tư cách pháp nhân Việt Nam và Công ty kinh doanh vận tải biển nước ngoài nếu sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng thì thuộc đối tượng nộp thuế GTGT.

- Công ty vận tải biển có tư cách pháp nhân tại Việt Nam khi kinh doanh vận tải quốc tế thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT căn cứ theo quy định tại Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về thuế GTGT.

- Công ty vận tải biển nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết với tổ chức, cá nhân Việt Nam thì căn cứ để tính thuế GTGT được thực hiện theo Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính.

2.2 Căn cứ điểm 3, Điều 8 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 thì thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ vận tải tại Việt Nam là 10% (trừ dịch vụ vận tải quốc tế là 0%) . Từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2009, dịch vụ vận tải tại Việt Nam được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT theo quy định tại điểm 5, Điều 1 Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg ngày 21/1/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp.

2.3 Căn cứ theo Điều 15 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 quy định thì Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2009.

3. Về việc áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nhật Bản.

Theo quy định tại điểm 2, mục I, phần B, Thông tư số 134/2008/TT-BTC nêu trên thì lợi nhuận thu được từ vận tải quốc tế của các công ty kinh doanh dịch vụ vận tải quốc tế của Nhật Bản tại Việt Nam sẽ phải chịu thuế TNDN tại Việt Nam.

Tại Điều 8 - Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nhật Bản (Hiệp định) quy định:

"1. Lợi tức thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế do một xí nghiệp của một Nước ký kết thực hiện sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Đối với hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế do xí nghiệp của một Nước ký kết thực hiện, xí nghiệp đó, nếu là xí nghiệp của Việt Nam, sẽ được miễn thuế xí nghiệp tại Nhật Bản, và nếu là xí nghiệp của Nhật Bản, sẽ được miễn bất kỳ loại thuế nào tương tự như thuế xí nghiệp ở Nhật Bản mà có thể được áp dụng tại Việt Nam.

3. Những quy định tại các khoản trên của Điều này cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế."

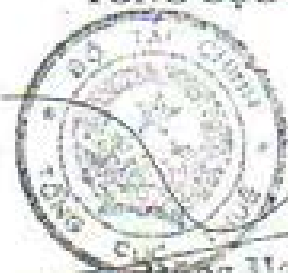
Căn cứ vào quy định nêu trên, lợi nhuận các công ty kinh doanh dịch vụ vận tải quốc tế của Nhật Bản thu được từ hoạt động vận tải quốc tế thuộc phạm vi quy định nêu trên sẽ được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam. Tuy nhiên, để được miễn thuế TNDN, các Công ty kinh doanh dịch vụ vận tải quốc tế của Nhật Bản phải thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định quy định tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Luật Quản lý thuế.

4. Tổng cục Thuế xin gửi kèm bản dịch Tiếng Anh Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 theo đề nghị của Quý Đại sứ quán. Ngoài ra Quý Đại sứ quán cũng có thể tham khảo các văn bản quy phạm pháp luật về thuế khác mà Quý Đại sứ quán quan tâm tại địa chỉ website: <http://www.gdt.gov.vn>

Tổng cục Thuế trả lời để Đại sứ quán Nhật Bản biết./. *K*

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ HTQT, Vụ PC;
- Lưu: VT, PC, CS(3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Đặng Hạnh Thu
Đặng Hạnh Thu